

Họ Hùng-Họ Mị

Một trong những dấu hiệu cho mối liên hệ cội nguồn giữa hoàng tộc nước La và nước Văn Lang là có vua *họ Hùng*, giữa hoàng tộc các nước Sở, U Việt, Mân Việt, Nam Việt, Lạc Việt là có vua *họ Mị*.

Cổ thư Trung Quốc ghi về họ Mị, họ Hùng rất ngắn gọn, ví dụ: “Việt họ Mị” (“Việt vi Mị tính”), La họ Hùng (“La vi Hùng tính”), “La -nước họ Hùng” (“La hùng tính quốc”), khiến các học giả sau này, người nói Mị, Hùng là họ vua, người bảo đó là họ dân, người lại cho rằng đó là họ của cả dân lẫn vua. Tiếp đó, họ cũng có nhiều cách lý giải về nguồn gốc, bản chất của họ Hùng và họ Mị rất khác nhau. Chúng ta hãy xem xét một số cách lý giải đáng chú ý nhất.

Họ Mị- họ Hùng: các cách lý giải đã có

1. Họ Mị

- **Mị=tiếng dê kêu**

Theo *Sử Ký*, ông tổ nhà Sở là Trùng Lê, sau cũng được gọi là Chúc Dung. Em Chúc Dung là Ngô Hôi. Con thứ sáu của Ngô Hôi là Quý Liên. Quý Liên có mẹ là người Khương. Người Khương sống bằng nghề chăn dê nên lấy tiếng kêu của dê làm họ.¹ Quý Liên theo họ Mẹ là Mị và là ông tổ của các vua Sở. Vì thế, các vua Sở có họ Mị.

Cổ thư cũng viết người Khương thờ vật tổ dê. Chữ Khương 羌 chỉ người Khương gồm chữ Nhân 人 (Người) và Dương 羊 (Dê/Cừu). Chữ Mị 咩 cũng có bộ Dương với nghĩa là tiếng kêu của cừu hay dê, thêm bộ khẩu (咩) có 3 nghĩa: tiếng dê con kêu, họ Mị và Mẹ.

- **Mị= Mẹ**

Bình Nguyên Lộc (1971: 159, 804) cho rằng Mị là phiên âm từ Mẹ trong tiếng Việt. Dân họ Mị là dân mang họ Mẹ tức theo chế độ mẫu hệ “chứ không có lý nào mà dân một nước lại có cùng một họ”. Điều này cũng khớp với việc tất cả con gái vua Hùng đều gọi là Mị Nương.

¹ Dê thường kêu” be, be”, do tương ứng b=m, i=e, nên be=mi=mị.

- **Mị=phụ nữ hoàng tộc**

Blakeley (1999: 53,190) cho biết: theo *Sử Ký* và kim văn Sở, hoàng tộc Sở có họ Mị (Mị tính). Tuy nhiên, thực tế, từ Hùng luôn đi trước tên riêng các vua Sở. Mặt khác, trên kim văn Sở, những chữ ngâm chỉ phụ nữ hoàng tộc Sở gồm một chữ, theo các nhà cổ tự học tương đương với Mị.

Như vậy, Mị là từ gắn với phụ nữ hoàng tộc Sở.

- **Mị=Hùng=Gấu**

Nhưng các học giả Mỹ ở trường Đại học Massachussetts¹ lại có một cách lý giải khác. Từ việc *Sử ký* viết Mị là họ vua Sở, nhưng lại ghi các vua Sở họ Hùng (熊 =Gấu). họ cho rằng Mị là một từ Sở có nghĩa tương đương với Hùng. Đó là từ *hmi*=gấu trong tiếng Lào và Thái Lan, những nơi cách không xa đất Sở xưa.

2. Họ Hùng

- **Hùng=tên đất/ tên người**

Từ điển *Bách Độc*² mục *Hùng tính* cho biết: về nguồn gốc họ Hùng, ở Trung Quốc có hai thuyết:

-Người họ Hùng là con cháu Hoàng Đế. Theo truyền thuyết, Hoàng Đế lập đô ở Hữu Hùng (Tân Trịnh, Hà Nam), lấy họ theo tên đất là Hữu Hùng. Con cháu từ đó có họ Hùng.

-Thời cuối Thương, có người dòng dõi Hoàng Đế là Dục Hùng, nhờ học vấn cao nên thành thầy của Chu Văn Vương, sau một người con lấy tên của cha làm họ của mình gọi là Hùng Dịch.³ Nhà Chu phong đất Kinh Sở cho Hùng Dịch, Hùng Dịch lập ra nhà Sở, vì thế các vua Sở họ Hùng. Trước thời Hán, người họ Hùng chủ yếu ở Hồ Bắc, Hồ Nam (đất Sở), sau lan tỏa khắp Nam Trung Quốc.

Cần nói thêm, lại có một cách lý giải coi Hữu Hùng là tên của Hoàng Đế với nghĩa Người có gấu, bởi trong cuộc chiến với Viêm Đế, Hoàng Đế đã có 6 con vật trợ thủ là gấu đen, gấu xám, cáo, hổ, báo, mèo rừng, là vật tổ cho 6 bộ lạc của Hoàng Đế.

¹ Xem <http://www.umass.edu/wsp/results/languages/chu/index.html#list>

² <http://baike.baidu.com/view/17209.htm>

³ Đó là tục phụ tử liên danh, từng thấy ở hoàng tộc nước Nam Chiếu-người Tạng-Miến.

- **Hùng=Vua**

Trong khi đó, cũng về họ Hùng của vua Sở, theo Blakeley (1999: 53) các học giả Trung Quốc có vài thuyết khác nhau, trong đó có thuyết cho rằng Hùng là họ (*tính*) thứ hai của nhà Sở (họ thứ nhất là họ Mị). Nhưng bằng chứng của thuyết đó sau bị coi là giả mạo. Một thuyết khác nói Hùng là một tên gọi mang tính miệt thị của các sử gia Tần thời Chiến Quốc, bởi danh sách các vua Sở trong *Sử Ký* đã dựa trên tư liệu thời Tần sau vụ đốt sách năm 213. Tuy nhiên, thuyết này đã bỏ qua việc vua Sở họ Hùng đã được ghi trong *Tả Truyện* (một tác phẩm được viết xong thời Chiến quốc, không muộn hơn năm 389 TCN) và cả trên kim văn Sở (dù không rõ rệt).

Vì thế, theo Blakeley, thuyết hợp lý nhất là: Hùng là một danh hiệu cho vua hay tộc trưởng vào đầu thời Sở. Phần lớn các vua Sở có ít nhất hai danh hiệu: Hùng- gốc bản địa luôn đi cùng với một tên riêng và Vương- gốc Hoa luôn đi cùng với một tên thụy (đặt sau khi chết). Danh hiệu Vương được tiếp thu tạm thời vào thời Tây Chu và chính thức từ cuối thế kỷ 8 TCN. Các vua Sở có thể dùng cả hai danh hiệu nhưng với các chức năng khác nhau.

Hùng =Vua, đó cũng là quan điểm của Eberhard (1968: 353), Bình Nguyên Lộc (1971:700) và Trần Quốc Vượng (1973:335).

Đặc biệt, Trần Quốc Vượng chứng minh Vua Hùng có gốc Po Khun=Thủ lĩnh tối cao, thủ lĩnh mạnh nhất, trong đó Khun (hay Cun) là một từ chỉ thủ lĩnh trong tiếng Nam Á và Thái-Kadai.

Được biết, tên một vị vua Chăm cuối thế kỷ 10 trên bi ký là *Po Khun Pilih Rajavadna*. Vị vua đầu tiên của vương quốc Sukhothai lập vào thế kỷ 13 ở Thái Lan cũng xưng là *Pho Khun Indrathit*.

- **Hùng=Lạc**

Theo H. Maspero (1918: 7), từ Hùng Vương được nêu sớm nhất trong *Thái Bình Hoàn Vũ Ký* (thế kỷ 10-13), trong đó tác giả hai lần dẫn một đoạn của *Nam Việt chí* (thế kỷ 5):” Đất Giao Chỉ cực kỳ màu mỡ, vua ở đó gọi là Hùng Vương”.

Nhưng *Thủy kinh chú*, dẫn *Giao Châu ngoại vực ký* (thế kỷ 4) lại viết: “Giao Chỉ xưa có vua Lạc”. Maspero đoán chữ Lạc (雒) hơi giống chữ Hùng (雄) nên dễ bị đọc và chép nhầm thành Hùng. Nhưng *Quảng Châu ký* viết vua Lạc bằng một chữ Lạc khác (駱), khó nhầm với chữ Hùng, chứng tỏ viết vua Lạc là chính xác.

Maspero lại dẫn một đoạn trong *Nam Việt chí*:” Đất Giao chỉ...đen và tươi xốp, bốc hơi mạnh (*hùng*) nên được gọi là *hùng địa* (điền), dân gọi là *hùng dân*, quân trưởng gọi là *hùng vương*, quan gọi là *hùng hầu*, đất phân phong cho các *hùng tướng*”. Trong

đoạn trên, các từ *hùng điền, hùng dân, hùng vương*... tương ứng với Lạc điền, Lạc dân, Lạc Vương trong *Giao châu ngoại vực ký* nhưng chữ hùng có nghĩa là “hùng mạnh”.

Từ đó, Maspero kết luận: Việt Nam xưa không có vua Hùng, chỉ có vua Lạc. Ông cũng dẫn lời bình của Ngô Sĩ Liên trong *Toàn Thư*: “Lạc tướng sau viết nhầm thành Hùng tướng”.

Học giả Pháp Emile Gaspardone (1955) đã mạnh mẽ bác bỏ quan điểm của H. Maspero và cho rằng hai từ Hùng và Lạc có nguồn gốc khác nhau: Lạc bắt nguồn từ đoạn nói về ruộng Lạc... còn Hùng là một dòng họ và một địa danh ở Vân Nam và Quý Châu xưa (dẫn theo Taylor 1983:306).¹

Nhưng Đào Duy Anh (1957/2010:380) lại ủng hộ Maspero và đưa thêm bằng chứng về sự lẫn lộn giữa chữ Hùng và Lạc: *Quốc ngữ* viết tên một viên quan của nhà Ngô là Vương Tôn Hùng, nhưng *Ngô Việt Xuân Thu* lại viết là Vương Tôn Lạc. Vũ Thế Ngọc (1989)² nói rõ hơn: theo *Thuyết Văn Thông Huấn Định Thanh*, chữ Lạc 雒 có thể viết thay bằng chữ Hùng 雄, bằng chứng là một nhân vật trong *Hán Thư* ghi là Lạc Đào, nhưng một sách thời Tần viết là Hùng Đào. *Toàn Thư* có bản viết Hai Bà họ Hùng, nhưng có bản lại viết Hai Bà Trưng họ Lạc.

Vậy nguồn gốc và bản chất thực của họ Hùng họ Mị là gì?

Họ Hùng- họ Mị: một cách lý giải mới

Cách lý giải mới đặt hai họ Mị-Hùng vào *Họ Từ Ngươi*, xác định đó là hai từ chỉ Ngươi, sau phát triển thành các từ chỉ thủ lĩnh, vua chúa, hoàng tộc và dòng họ.

1. Họ Mị

Đúng như Blakeley đã xác định, Mị là từ gắn với phụ nữ hoàng tộc. Các truyền thuyết đều kể vua Hùng có con gái gọi là Mị Nương. Sách *Quế hải ngư hành chí* của Phạm Thành Đại và *Lĩnh ngoại đại đáp* của Chu Khứ Phi đời Tống cho biết người Choang ở Quảng Tây xưa gọi vợ các thủ lĩnh là *Mị Nương*, gọi mẹ là *Mế Nàng* (Mẹ Nàng). Từ đó, Hoàng Thị Châu (1968) và nhiều học giả coi Mị Nương có gốc *Mế Nàng* hay *Mí Noọng* trong tiếng Tày- Thái. Tên gọi Mae Ku-nữ hoàng của người Lava ở Thái Lan cho thấy cách gọi Mae=Mẹ=Mị của phụ nữ hoàng tộc Lava- Lạc Việt (Phụ lục 4 C).

¹ Tôi không có bài viết của Gaspardone nhưng biết ở Vân Nam có châu Sở Hùng và có họ Hùng.

² <http://hoangsa.org/forum/showthread.php?t=10005>

Nghĩa gốc của Mị là Mẹ. Nếu từ BỐ chuyển thành Bua/Vua thì từ Mẹ cũng chuyển thành Mị chỉ mẹ, vợ, con gái, chị em gái của vua, tức phụ nữ hoàng tộc nói chung, được coi là Mẹ của thiên hạ.

Đặc biệt, nhà Nguyễn xưa có tục, tất cả con trai hay con gái trong hoàng tộc đều được gọi là Mẹ kèm theo một tên riêng kiểu nôm na gốc Việt (ví dụ vua Bảo Đại có tên là Mẹ Vĩng). Một cách lý giải là người xưa tin ma quỷ thường bắt hồn con trai tha cho con gái nên phải đổi trai thành gái bằng cách xưng hô. Cách lý giải trên cũng chỉ là một cách lý giải dân gian, nhưng rõ ràng, thoát nghe, dễ tưởng Mẹ là “họ” của hoàng tộc Nguyễn. Có thể, nhà Sở cũng có tục đó nên sử sách ghi hoàng tộc Sở có họ Mị.

Nhà Nguyễn có gốc Mân Việt (Phụ lục 3 C). Mân Việt cũng là một nước của người Ơ Việt hay Lạc Việt có vua họ Mị. Bằng một cách nào đó, nhà Nguyễn đã phục hồi một phong tục của tổ tiên xưa.

Việc coi Mị là họ của hoàng tộc Sở đã dẫn đến các cách lý giải họ Mị đó, hoặc đồng nhất họ Mị với họ Mị có gốc vật tổ dê của người Khương, hoặc với từ Hmi chỉ gấu trong tiếng Lào, Thái. Đó là cách cách lý giải thuần túy dựa vào sự đồng âm, gần âm ngẫu nhiên, dù ít nhiều có lý, nhưng không chuẩn xác.

Bình Nguyên Lộc đã đúng khi xác định nghĩa gốc của Mị là Mẹ, nhưng đã sai khi gán cách gọi Mị nương với chế độ mẫu hệ là chế độ con cái lấy hay mang họ mẹ.

2. Họ Hùng

- Hùng<Khun<Con

Eberhard, Bình Nguyên Lộc, Trần Quốc Vượng và Blakeley đã đúng khi xác định Hùng là một từ chỉ vua, thủ lĩnh trong tiếng Bách Việt. Trần Quốc Vượng cũng hoàn toàn chính xác khi xác định Kun/Khun là từ gốc của Hùng-từ chỉ vua, do đứng trước tên vua nên thường được hiểu là họ của vua.

Nhưng truy cho cùng, gốc của Kun/Khun chính là *Con* (Việt, Mường, Môn)= *Côn/Cần/Gon/Hun* (Thái-Ka đai)=*Người/Con/Bố* (lưu ý: tên tự gọi của người Mường là Con Mon=người Mon; của người Tày là Cần Tày=Người Tày; đặc biệt từ chỉ bố trong tiếng Nguyên Nam Á là Kon/Kun dẫn đến nghĩa thủ lĩnh/vua tương tự từ Po).

Condominas (1968: 448) cho rằng *khun* có gốc *jun/quân* trong tiếng Hoa, là từ chỉ vua của các tộc khác Hoa có địa vị thấp hơn Vương.

Nhưng theo tôi, đúng ra, từ quân trong tiếng Hoa có gốc từ kun/kon trong tiếng Nam Á. Không ngẫu nhiên thư tịch Hoa thường dùng cặp từ *quân trưởng* để chỉ vua của các tộc khác Hoa, đồng thời cũng dùng cặp từ *hùng trưởng* với chữ *hùng* (雄) như

chữ Hùng trong Hùng Vương, là động từ nhưng với mục đích tương tự. Trong *Hoa Dương quốc chí* có câu *mạc năng tương hùng trưởng* (莫能相雄长) để chỉ việc các nước Di Việt như Điền, Dạ Lang ... không xưng vua với nhau; có câu *hùng Di Bộc* (雄夷濮) để chỉ việc vua Tre Dạ Lang xưng vua với các nước khác.¹

Do *quân trưởng*=*hùng trưởng*, suy ra *quân*=*hùng*=*khun*. Như vậy, người Hoa đã phiên âm các từ chỉ vua của các tộc Bách Việt thành các từ *hùng*, *quân*, *trưởng*.

trong đó, *hùng*, *quân* có gốc *khun*, còn *trưởng* có gốc *chương*.

Chúng ta đã biết, Chương, từ chỉ vua hay thủ lĩnh trong tiếng Nam Á chính là gốc của “họ Trưng” trong tên gọi Hai Bà Trưng và họ Trương của hai vị thần Trương Hống-Trương Hát ở người Việt (Phụ lục 4C). Từ gốc của Chương là Yang=Người, có họ hàng với tên tộc người Tráng/Choang/ Dương Việt, tên nước Việt Chương, Việt Thường, Văn Lang, Dạ Lang, đặc biệt với Yang=Thần linh.

Cũng cần thấy rằng, từ *quân* 君 trong tiếng Hoa với các nghĩa người/con/ chồng/vua y như các nghĩa của *con/khun* trong tiếng Nam Á nên chính là một từ gốc Nam Á. Chúng ta cũng đã biết gốc của chữ vương là hình chiếc rìu Việt Lương Chử và người Lương Chử nói tiếng Nam Á (Phụ lục 2D, 3A). Vì thế, *vương* cũng có gốc Nam Á và có họ hàng với *chương*, *trưởng*.

Tuy nhiên, tương tự với họ Mị, việc coi Hùng là họ vua Sở đã dẫn đến các cách lý giải đồng nhất họ Hùng đó với tên gọi, tên đất hay tên vật tổ Hùng của ông tổ người Hoa. Đó là các lý giải kiểu từ nguyên thông tục dựa trên sự đồng âm, nhưng cũng phản ánh quan niệm vua Sở gốc Hoa hoặc xu hướng Hoa hóa của nhà Sở.

Việc xác định nguồn gốc thực của hai từ Hùng và Lạc cho thấy đó là hai từ khác nhau: Hùng là từ chỉ vua, còn Lạc là tên tộc người tương ứng với Việt. Tuy nhiên, việc dùng lẫn lộn hai chữ Hùng và Lạc đúng là do hai chữ đó trông gần như nhau.

• Hùng>Hoàng

Tại các tỉnh thuộc đất Sở xưa ở Trung Quốc đều có người mang họ Hùng và được coi là con cháu của vua Sở.

Barlow (2005) cho rằng họ Hoàng, với từ Hoàng có nghĩa gốc là Vua, một họ phổ biến ở người Tày-Nùng- Choang có liên hệ cội nguồn với họ Hùng của Vua Hùng nước Văn Lang. Trước đó, Chamberlain (1998a:3) cho rằng họ Hoàng của các thủ lĩnh Lĩnh Nam thời Đường có gốc từ Chương, cũng có nghĩa là vua-thủ lĩnh.

¹ <http://www.viethoc.org/phorum...18-10-2010>

Họ Hoàng là một họ lớn của các tộc người Tày, Nùng, Việt, xưa đều là con cháu của các Vua Hùng. Vì thế theo tôi quan điểm của Barlow coi họ Hoàng có gốc từ họ Hùng của Vua Hùng tỏ ra xác đáng hơn.

Kết luận

1-Hùng và Mị có gốc là hai từ chỉ Người, sau thành từ chỉ thủ lĩnh, vua chúa, từ tôn quý dành riêng cho hoàng tộc, cuối cùng là hai họ của người Bách Việt.

Cách lý giải trên phù hợp với qui luật phát triển của *Họ Từ Người*, đồng thời phù hợp với một số cách lý giải đã có.

2-Cùng “họ Hùng”, nhưng họ Hùng vua Sở viết 熊 chỉ gấu, “họ Hùng” vua Lạc Việt viết 雄 chỉ chim, thể hiện tính Hoa hóa của vua Sở và tính Lạc Việt cội nguồn của vua Văn Lang.

3-Mối liên hệ họ hàng giữa từ *con, khun* trong tiếng Bách Việt với các từ *quân, hùng* trong tiếng Hán-Việt phản ánh một cơ tầng tiếng Nam Á trong tiếng Hoa.

